

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP CONSTREXIM SỐ 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch
Ông Hoàng Biên Cường	Ủy viên
Ông Ngô Bá Mật	Ủy viên
Ông Vũ Duy Hậu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Duy Hậu	Giám đốc
Ông Hoàng Biên Cường	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8



Vũ Duy Hậu
Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016





Số: 102 -16/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/02/2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 - hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Lê Thị Hương Lan

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2506-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

1. Tài sản không phân loại	137			
2. Tài sản khác	139			
3. Tổng tài sản	140	V.06	11.219.092.958	11.201.658.342
4. Nợ phải trả	141		11.210.092.952	11.201.658.302
5. Tổng nợ phải trả	149			
6. Tài sản ngoài bảng khác	150			16.708.496
7. Chỉ số tài chính: giá trị	151	V.05		16.708.496
8. TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	200		11.221.375.266	11.218.366.838
9. Các khoản phải trả dài hạn	210		1.000.000.000	
10. Phải trả ngắn hạn khác	216	V.05	1.200.000.000	
11. Tài sản có định	220		1.065.921.006	1.065.921.006
12. Tài sản có khác	221	V.07	1.065.921.006	1.065.921.006
- Nguyên vật liệu	222		1.065.921.006	1.065.921.006
- Giá trị gia tăng dự kiến	223			
13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	V.06	1.000.000.000	1.000.000.000
14. Đầu tư ngắn hạn	232		999.000.000	999.000.000
15. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác	233			1.000.000.000
16. Tài sản dài hạn khác	234			16.708.496
17. Tổng tài sản	235		11.221.375.266	11.218.366.838

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.700.231.989	78.490.955.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.627.503.096	12.424.014.096
1 Tiền	111	V.01	14.627.503.096	12.424.014.096
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.862.635.938	54.448.524.404
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	30.367.692.392	36.523.222.921
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	33.000.000	-
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	20.461.943.546	17.925.301.483
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	11.210.092.955	11.601.658.302
1 Hàng tồn kho	141		11.210.092.955	11.601.658.302
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	16.758.456
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	16.758.456
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.021.375.366	13.316.862.048
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.000.000.000	-
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.05	1.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		1.965.925.436	1.205.525.081
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.965.925.436	1.205.525.081
- Nguyên giá	222		3.537.786.188	2.547.869.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.571.860.752)	(1.342.344.743)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	600.000.000	1.600.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		600.000.000	600.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	1.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.455.449.930	10.511.336.967
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	9.455.449.930	10.511.336.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		89.721.607.355	91.807.817.306

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		64.058.804.432	66.069.009.134
I. Nợ ngắn hạn	310		60.931.612.357	62.702.594.382
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	308.965.345	1.540.580.874
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	9.714.168.000	1.463.253.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	613.616.801	2.835.618.437
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	49.862.233.989	55.469.034.776
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	-	1.100.550.000
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		432.628.222	293.557.295
II. Nợ dài hạn	330		3.127.192.075	3.366.414.752
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	2.009.032.075	2.236.385.951
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.13	1.118.160.000	1.130.028.801
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.662.802.923	25.738.808.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	25.662.802.923	25.738.808.172
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		1.937.223.600	1.937.223.600
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		921.520.000	921.520.000
5 Cổ phiếu quỹ	415		(921.520.000)	(921.520.000)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.844.592.144	2.740.078.192
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.312.987.179	1.493.506.380
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		313.747.406	187.081.988
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		999.239.773	1.306.424.392
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		89.721.607.355	91.807.817.306

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Vũ Duy Hậu

Nguyễn Thị Việt Hoa

Nguyễn Thị Thu Hoài

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	100.216.576.597	133.547.897.444
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		100.216.576.597	133.547.897.444
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	96.233.210.424	129.697.964.855
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.983.366.173	3.849.932.589
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	240.087.393	208.640.111
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	-	13.421.579
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	13.421.579
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	2.631.368.905	2.297.607.552
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.592.084.661	1.747.543.569
11 Thu nhập khác	31	VI.5	-	138.084.947
12 Chi phí khác	32	VI.6	242.586.262	192.751.676
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(242.586.262)	(54.666.729)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		1.349.498.399	1.692.876.840
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	350.258.626	386.452.448
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		999.239.773	1.306.424.392
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	562,79	707,52

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập



Nguyễn Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài

Giám đốc



Vũ Duy Hậu

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		122.398.247.753	130.654.064.613
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(1.789.697.594)	(4.549.182.949)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.692.918.753)	(1.521.814.954)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	(13.421.579)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(696.175.106)	(1.292.518.363)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.661.611.915	21.371.014.378
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(134.635.558.538)	(134.416.245.312)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.245.509.677	10.231.895.834
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(989.916.364)	(150.000.000)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	138.084.175
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		61.073.695	20.515.530
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(928.842.669)	8.599.705
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(921.520.000)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		200.000.000	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.300.550.000)	(2.876.278.200)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.628.008)	(154.133.589)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.113.178.008)	(3.951.931.789)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.203.489.000	6.288.563.750
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.424.014.096	6.135.450.346
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	14.627.503.096	12.424.014.096

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Việt Hoa



Nguyễn Thị Thu Hoài



Vũ Duy Hậu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2261/QĐ-BXD ngày 8/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01001850677 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/06/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 11/06/2015, thì vốn điều lệ của Công ty là: **19.568.000.000** đồng (Bằng chữ: Mười chín tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn).

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CX8.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đường dây và trạm biến thế điện, công trình cơ điện lạnh; Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: đầu tư kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, cho thuê văn phòng và nhà ở; kinh doanh các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng và văn phòng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tư vấn xây dựng, kiểm định các công trình xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Kinh doanh cấu kiện bê tông, kinh doanh vật liệu xây dựng; Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: kinh doanh vận chuyển hành khách;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: kinh doanh thương mại vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hóa; Hoạt động tư vấn quản lý: quản lý, khai thác, vận hành các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng và văn phòng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai khoáng chưa được phân vào đâu, chi tiết: khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm)/.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 35 543 197 Fax: (84-4) 35 543 197



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8.2

- Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà Constrexim 8, Km 8, Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân Bắc
- Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty: 47,62%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 47,62%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại, trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3-C,
T Y
HỮU H
ĐINH
!AM
TP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán CADS.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Công ty không có các khoản tiền bằng gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2015.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không có khoản công nợ khó đòi nào cần phải trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2015, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa vật kiến trúc

25

- Máy móc thiết bị

06 - 08

- Phương tiện vận tải

06 - 08

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Khoản hợp tác kinh doanh của Công ty là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt, theo đó 2 bên sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cửa nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm, và được gia hạn đến ngày 31/03/2016 theo phức lục hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 01/04/2015. Sau mỗi một năm, kể từ ngày chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty sẽ được thanh toán số lãi tương ứng với lãi suất 18%/năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định, lợi thế kinh doanh và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng.

Lợi thế kinh doanh là giá trị thương hiệu Constrexim có thời gian phân bổ trong vòng 10 năm.

Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định được ghi nhận căn cứ vào số tiền trả trước trong nhiều kỳ kế toán và hợp đồng thuê tài sản, được phân bổ trong vòng 25 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty với công ty liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Công ty không có các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước tiền thuê nhà, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả trong nhiều kỳ kế toán. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số tiền cho thuê từng tháng được quy định trong hợp đồng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của công ty.

1012
CC
RÁCH
IỂM T
VI
ĐU G

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01 NQ-2015/CX8-ĐHĐCĐ ngày 09/05/2015.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động xây lắp, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện, tiền nước và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được công ty ghi nhận phù hợp với tỷ lệ giao khoán trong hợp đồng của từng công trình cho các đội thi công.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 10% đối với hoạt động xây lắp, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện và 5% đối với hoạt động thu tiền nước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền	14.627.503.096	12.424.014.096
Tiền mặt tại quỹ	7.598.208	79.349.741
Tiền gửi ngân hàng	14.619.904.888	12.344.664.355
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	291.973.488	2.411.725.387
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	29.407.123	29.224.433
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	14.290.342.869	9.780.523.220
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	1.180.681	1.274.569
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long	7.000.727	121.916.746
Cộng	14.627.503.096	12.424.014.096

AN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
		VND		VND
Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Công ty CP Đầu tư và XL Constrexim số 8.2	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	-	-	1.000.000.000
Công ty CP An Đạt	-	-	-	1.000.000.000
Cộng	600.000.000	600.000.000	-	1.600.000.000



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	30.367.692.392	-	36.523.222.921	-
Tổng Công ty CP Đầu tư Xây dựng và TM Việt Nam	7.117.427.256	-	5.999.426.702	-
Trại giam Thanh Xuân - Cục V 26	566.149.947	-	566.149.947	-
Trường Đại học Sư phạm KT Hưng Yên	681.010.079	-	1.381.010.079	-
Trường Đại học Tây Bắc	1.490.759.480	-	1.490.759.480	-
BQLDA Vườn hoa quảng trường thị xã Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1.529.910.000	-	1.529.910.000	-
UBND Phường Yên Sở - Hoàng Mai - HN	62.826.654	-	2.609.385.334	-
UBND phường Vĩnh Hưng	255.914.000	-	834.186.021	-
Công ty CP Xây lắp điện 1	208.219.586	-	1.382.669.618	-
Công ty CP thương mại và Xây dựng công nghệ xanh	430.021.289	-	2.753.588.371	-
Phòng kinh tế Quận Hoàng Mai	2.026.080.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Trung Việt	1.930.249.193	-	-	-
Sư đoàn 367/Quân chủng phòng không - không quân	2.579.446.000	-	-	-
Ban quản lý dự án quận Hoàng Mai	6.279.753.215	-	13.769.223.000	-
Ban Quản lý Dự án Trà Vinh	-	-	786.934.875	-
Trung tâm phát triển quỹ đất và Quản lý duy tu hạ tầng Quận Hoàng Mai	-	-	633.389.315	-
Các đối tượng khác	5.209.925.693	-	2.786.590.179	-

b) **Phải thu khách hàng là các bên liên quan:** chi tiết tại thuyết minh số VIII.2**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	33.000.000	-

3.C.T.P
 T.Y
 HỮU HẠN
 ĐỊNH GIẢ
 AM
 TP. HÀ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	20.461.943.546	-	17.925.301.483	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>20.445.083.546</i>	-	<i>17.621.300.483</i>	-
Công ty CP Xây lắp giao thông công chính	-	-	500.000.000	-
Ban quản lý nhà C7 Thanh Xuân	2.909.618.824	-	3.079.681.694	-
Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 6	1.548.248.467	-	1.325.937.439	-
Xí nghiệp Xây lắp số 8	2.295.985.168	-	-	-
Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 9	964.629.603	-	-	-
Đội Quản lý cơ giới và Hạ tầng - Constrexim 8	1.504.344.977	-	747.274.356	-
Đội Xây lắp tổng hợp số 3	2.905.768.938	-	3.281.283.858	-
Đội Xây lắp tổng hợp số 4 - Chi nhánh 8.2	4.701.531.496	-	4.972.421.928	-
Các đối tượng khác	3.614.956.073	-	3.714.701.208	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>16.860.000</i>	-	<i>14.001.000</i>	-
Phí Thành Tuyến	6.000.000	-	10.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Huyền	4.080.000	-	-	-
Nguyễn Hà Phương	3.780.000	-	1.000.000	-
Lê Trà Ly	-	-	3.001.000	-
Trần Thị Hải Ninh	3.000.000	-	-	-
<i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	<i>-</i>	-	<i>290.000.000</i>	-
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	290.000.000	-
b) Dài hạn	1.000.000.000	-	-	-
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>1.000.000.000</i>	-	-	-
Công ty CP An Đạt (*)	1.000.000.000	-	-	-
Cộng	21.461.943.546	-	17.925.301.483	-

(*): Là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt, theo đó 2 bên sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cửa nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm, và được gia hạn đến ngày 31/03/2016 theo phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 01/04/2015. Sau mỗi một năm, kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty sẽ được thanh toán số lãi tương ứng với lãi suất 18%/năm.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	11.210.092.955	-	11.601.658.302	-
Cộng	11.210.092.955	-	11.601.658.302	-

(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty là chi phí dở dang của các công trình Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao quận Hoàng Mai, công trình Trường THCS Nam Sơn...

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2015	1.418.827.242	581.048.908	547.993.674	2.547.869.824
Mua trong năm	-	-	989.916.364	989.916.364
Số dư ngày 31/12/2015	1.418.827.242	581.048.908	1.537.910.038	3.537.786.188
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2015	414.489.473	398.776.940	529.078.330	1.342.344.743
Khấu hao trong kỳ	56.753.090	71.354.546	101.408.373	229.516.009
Số dư ngày 31/12/2015	471.242.563	470.131.486	630.486.703	1.571.860.752
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	1.004.337.769	182.271.968	18.915.344	1.205.525.081
Tại ngày 31/12/2015	947.584.679	110.917.422	907.423.335	1.965.925.436

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2015: 873.978.946 VND.

8. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	16.758.456
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		16.758.456
b) Dài hạn	9.455.449.930	10.511.336.967
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	5.878.224.924	6.224.002.861
Lợi thế kinh doanh chờ phân bổ	831.640.000	929.480.000
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.745.585.006	3.357.854.106
Cộng	9.455.449.930	10.528.095.423

Mẫu số B 09 - DN

ẤN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2015			Trong năm			01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Đơn vị tính: VND	
Vay ngắn hạn	-	-	200.000.000	1.300.550.000	1.100.550.000	1.100.550.000	1.100.550.000	
Vay cá nhân (*)	-	-	200.000.000	1.300.550.000	1.100.550.000	1.100.550.000	1.100.550.000	
Trần Bá Hùng	-	-	-	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	
Nguyễn Thị Thanh Vân	-	-	-	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000	
Đình Long	-	-	-	170.000.000	170.000.000	170.000.000	170.000.000	
Hoàng Biên Cường	-	-	-	112.550.000	112.550.000	112.550.000	112.550.000	
Nguyễn Thị Thanh Hằng	-	-	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
Vũ Mạnh Tân	-	-	-	68.000.000	68.000.000	68.000.000	68.000.000	
Vũ Đức Tiên	-	-	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	
Tông Quang Thành	-	-	200.000.000	200.000.000	-	-	-	

(*) Khoản vay ngắn hạn cá nhân với lãi suất cho vay 0%/tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty CP ĐT&XL Constrexim số 8.2	308.965.345	308.965.345	1.540.580.874	1.540.580.874
Cộng	308.965.345	308.965.345	1.540.580.874	1.540.580.874

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
Ban Quản lý huyện Sóc Sơn	3.645.811.000	-
Ban QLDA Long Biên	-	207.166.000
Công ty CP Bê tông Vidifi	10.580.000	6.720.000
Phòng kinh tế Quận Hoàng Mai	-	1.249.367.000
Tông Quang Thành	50.000.000	-
Công ty CP 16 - Cienco 1	1.235.564.000	-
Bùi Hải Phong	21.000.000	-
Trung tâm Phát triển quỹ đất và QL duy tu hạ tầng Quận Hoàng Mai	4.751.213.000	-
Cộng	9.714.168.000	1.463.253.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	2.522.121.349	851.510.004	2.846.399.793	527.231.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp	297.096.734	485.126.521	696.175.106	86.048.149
Các loại thuế khác	16.400.354	(13.212.609)	3.149.292	38.453
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	209.786.663	209.488.024	298.639
Cộng	2.835.618.437	1.533.210.579	3.755.212.215	613.616.801



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	49.862.233.989	55.469.034.776
Kinh phí công đoàn	676.888.086	800.636.180
Phải trả về cổ phần hóa	-	1.065.205.002
Phải trả, phải nộp khác	48.476.176.010	52.953.672.667
<i>Công trình thuộc Công ty quản lý</i>	<i>1.791.794.644</i>	<i>3.780.193.811</i>
<i>Ban quản lý nhà C7 Thanh Xuân</i>	<i>15.417.584</i>	<i>54.968.722</i>
<i>Xí nghiệp Xây lắp số 1</i>	<i>190.301.668</i>	<i>1.542.808.509</i>
<i>Xí nghiệp Xây lắp số 2</i>	<i>605.390.387</i>	<i>1.178.905.329</i>
<i>Xí nghiệp Xây lắp số 4</i>	<i>412.997.878</i>	<i>-</i>
<i>Các loại thuế TNCN, cổ tức phải trả</i>	<i>1.279.796.826</i>	<i>411.350.910</i>
<i>Xí nghiệp Xây lắp số 8</i>	<i>1.563.165.200</i>	<i>2.116.477.567</i>
<i>Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 9</i>	<i>10.650.299.952</i>	<i>16.827.750.528</i>
<i>Đội Quản lý cơ giới và Hạ tầng - Constrexim 8</i>	<i>25.644.747.924</i>	<i>20.329.741.488</i>
<i>Đội Xây lắp tổng hợp số 1</i>	<i>3.631.333.505</i>	<i>3.678.065.035</i>
<i>Đội Xây lắp tổng hợp số 5 - Chi nhánh 8.2</i>	<i>620.499.886</i>	<i>822.809.908</i>
<i>Đội xây lắp tổng hợp số 8 - Constrexim 8</i>	<i>2.070.430.556</i>	<i>2.210.600.860</i>
Dư có phải thu khác	709.169.893	649.520.927
b) Dài hạn	1.118.160.000	1.130.028.801
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.118.160.000	1.130.028.801
Công ty Liên doanh TNHH KFC Việt Nam	877.160.000	877.160.000
Công ty CP Bê tông VIDIFI	30.000.000	30.000.000
Trần Văn Bao	153.000.000	153.000.000
Công ty TNHH Trang trí BAC	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Fev (Vietnam) Corporation	-	29.868.801
Công ty CP Y tế Quang Minh	20.000.000	20.000.000
Công ty CP 121 Biz Quốc Tế	18.000.000	-
Cộng	50.980.393.989	56.599.063.577

14. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dài hạn		
Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng	2.009.032.075	2.236.385.951
Cộng	2.009.032.075	2.236.385.951

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 543 197

Fax: (84-4) 35 543 197

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***15. Vốn chủ sở hữu****15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2014	19.568.000.000	1.937.223.600	-	-	847.743.411	22.352.967.011	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	921.520.000	(921.520.000)	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.306.424.392	1.306.424.392	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(137.241.028)	(137.241.028)	
Giảm khác	-	-	-	-	(523.420.395)	(523.420.395)	
Số dư ngày 31/12/2014	19.568.000.000	1.937.223.600	921.520.000	(921.520.000)	1.493.506.380	22.998.729.980	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	999.239.773	999.239.773	
Tăng khác (*)	-	-	-	-	87.148.800	87.148.800	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(261.284.879)	(261.284.879)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(905.505.000)	(905.505.000)	
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(100.117.895)	(100.117.895)	
Số dư ngày 31/12/2015	19.568.000.000	1.937.223.600	921.520.000	(921.520.000)	1.312.987.179	22.818.210.779	

(*) Tăng lợi nhuận chưa phân phối từ việc giám cổ tức phải trả, do năm 2011 đã hạch toán phải trả cổ tức cho cả 181.300 cổ phiếu quỹ.

(**) Giảm khác theo quyết định thanh tra thuế năm 2014.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	19.568.000.000	19.568.000.000
Cộng	19.568.000.000	19.568.000.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.568.000.000	19.568.000.000
Vốn góp đầu năm	19.568.000.000	19.568.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	19.568.000.000	19.568.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	905.505.000	-

15.4 Cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	1.956.800	1.956.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu phổ thông	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	181.300	181.300
- Cổ phiếu phổ thông	181.300	181.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu phổ thông	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

15.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

15.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	2.740.078.192	104.513.952	-	2.844.592.144
Cộng	2.740.078.192	104.513.952	-	2.844.592.144

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***(* Muc đích trích lập quỹ:**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp	96.582.927.524	129.967.554.486
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.633.649.073	3.580.342.958
Cộng	100.216.576.597	133.547.897.444

b) Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Giá vốn bán hàng**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	93.494.911.898	127.519.611.023
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.738.298.526	2.178.353.832
Cộng	96.233.210.424	129.697.964.855

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	29.908.493	20.515.530
Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi góp vốn	198.240.000	178.520.548
Doanh thu tài chính khác	11.938.900	9.604.033
Cộng	240.087.393	208.640.111

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	-	13.421.579
Cộng	-	13.421.579

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	138.084.175
Thu nhập khác	-	772
Cộng	-	138.084.947

6. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	129.026.477
Phân bổ chi phí thương hiệu	97.840.000	48.920.000
Chi phí từ phạt vi phạm lĩnh vực thuế	144.746.262	7.140.000
Chi phí khác	-	7.665.199
Cộng	242.586.262	192.751.676

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>2.631.368.905</i>	<i>2.297.607.552</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.961.347.529	1.733.572.075
Chi phí khấu hao TSCĐ	229.516.009	87.543.691
Thuế, phí, lệ phí	10.646.218	57.122.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	356.928.411	354.903.404
Chi phí bằng tiền khác	72.930.738	64.466.002

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	53.311.259.945	57.569.567.756
Chi phí nhân công	21.566.868.710	23.015.379.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	229.516.009	209.938.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.160.589.139	21.756.316.180
Chi phí khác bằng tiền	10.677.467.502	64.466.002
Cộng	99.945.701.305	102.615.667.754

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	100.456.663.990	133.894.622.502
Tổng chi phí phát sinh trong năm	99.107.165.501	132.201.745.662

01012
CƠ
TRÁCH
KIỂM TỐ
VI
ĐẦU GI

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	98.864.579.327	132.138.020.463
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.592.084.663	1.756.602.039
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	350.258.626	386.452.448

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	999.239.773	1.306.424.392
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	999.239.773	1.306.424.392
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.775.500	1.846.488
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	562,79	707,52

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2015
	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia thu thông qua công nợ	179.013.698

VIII Những thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng & Thương mại Việt Nam
 Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8.2
 Công ty CP An Đạt

Mối quan hệ

Cổ đông
 Công ty liên kết
 Bên hợp tác kinh doanh



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*) Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Mua hàng	-	12.042.511.285
Tổng Công ty CP Đầu tư XD & TM Việt Nam	-	12.042.511.285
Doanh thu bán hàng	1.139.272.273	-
Tổng Công ty CP Đầu tư XD & TM Việt Nam	1.139.272.273	
Doanh thu tài chính	180.000.000	178.520.548
Công ty CP An Đạt	180.000.000	178.520.548

*) Số dư các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng	7.117.427.256	5.999.426.702
Tổng Công ty CP Đầu tư XD và TM Việt Nam	7.117.427.256	5.999.426.702
Phải thu khác	-	134.136.986
Công ty CP An Đạt	-	134.136.986
Phải trả người bán	308.965.345	1.540.580.874
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp Constrexim số 8.2	308.965.345	1.540.580.874
Thu nhập Ban Giám đốc		
	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	505.800.020	392.800.702
Cộng	505.800.020	392.800.702



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.I.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.627.503.096	12.424.014.096
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.829.635.938	54.448.524.404
Các khoản đầu tư tài chính	-	1.000.000.000
Tổng cộng	66.457.139.034	67.872.538.500
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	1.100.550.000
Phải trả người bán và phải trả khác	51.289.359.334	58.139.644.451
Tổng cộng	51.289.359.334	59.240.194.451

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2015 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà có cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	50.171.199.334	1.118.160.000	51.289.359.334
Các khoản vay	-	-	-
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	57.009.615.650	1.130.028.801	58.139.644.451
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	1.100.550.000	-	1.100.550.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.627.503.096	-	14.627.503.096

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.424.014.096	-	12.424.014.096
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.448.524.404	-	54.448.524.404

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Và, như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại, trình bày lại. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

Chi tiêu	31/12/2014		
	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Các khoản phải thu khác	17.621.300.483	(17.621.300.483)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	17.925.301.483	17.925.301.483
Tài sản ngắn hạn khác	304.001.000	(304.001.000)	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.599.063.577	(56.599.063.577)	-
Phải trả ngắn hạn khác	-	55.469.034.776	55.469.034.776
Vay và nợ ngắn hạn	1.100.550.000	(1.100.550.000)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	1.100.550.000	1.100.550.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.568.000.000	(19.568.000.000)	-
Vốn góp của chủ sở hữu	-	19.568.000.000	19.568.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.204.109.763	535.968.429	2.740.078.192
Quỹ dự phòng tài chính	535.968.429	(535.968.429)	-

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập



Nguyễn Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài

Giám đốc



Vũ Duy Hậu

TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP
CONSTREXIM SỐ 8
Số 50/CV/MC8-TCKT

V/v: Giải trình BCSXKD năm 2015

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM .
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 18 tháng 03 năm 2016

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Mã CK: CX 8

Địa chỉ: Toà nhà Constrexim 8, km 8 Đường Nguyễn Trãi C7 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại, Fax : **0435543197**

Email: **Constreximso8@yahoo.com**

Ngày 15/03/2016 đơn vị lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán gửi Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định.

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2015 chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm 2014, đơn vị có giải trình như sau:

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt 999.239.773 đồng, so với cùng kỳ năm 2014 là 1.306.424.392 đồng giảm 307.184.619 đồng do các nguyên nhân sau:

Doanh thu năm 2015 giảm 33.331.320.847 đồng so với cùng kỳ năm 2014 là do năm 2015 các công trình công ty đã trúng thầu nhưng do các công trình đã được ký kết trong năm 2015 vướng mắc về giải phóng mặt bằng đơn vị phải tạm dừng không thi công và một số hệ lụy kéo theo từ việc dừng thi công nên giảm hơn so với Doanh thu cùng kỳ năm 2014.

- Chi phí quản lý DN có tăng so với cùng kỳ năm 2014 là 333.761.353 triệu đồng do doanh thu đơn vị chưa được ghi nhận do khối lượng thi công công trình có một số công trình chưa được nghiệm thu và nhân lực tham gia SXKD tăng.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt 999.239.773 đồng, so với cùng kỳ năm 2014 là 1.306.424.392 đồng giảm 307.184.619 triệu đồng do một số công trình đã và đang thi công nhưng đang chờ nghiệm thu thanh toán, một số chi phí tăng cao do chi trả lương nhân công mua sắm thiết bị mới và một số công trình đã ký hợp đồng trong năm 2015 tạm dừng thi công do Chủ đầu tư chưa giải phóng được mặt bằng, đơn vị không thi công được nên chỉ tiêu lợi nhuận năm 2015 có giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là toàn bộ những nội dung Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp Constrexim số 8 giải trình về nguyên nhân dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty năm 2015 thấp hơn so với cùng kỳ 2014, Công ty cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các số liệu trong báo cáo.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi :

- Như trên
- Lưu Vp

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY LẮP CONSTREXIM SỐ 8**

